

BÁO CÁO
Tình hình thi hành pháp luật về phòng chống tham nhũng
Năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021

Thực hiện Công văn số 4844/VPUB-TCĐNC ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh v/v tổng hợp, báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Sở Tài chính Ninh Thuận báo cáo kết quả với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền

- Việc thực hiện trách nhiệm ban hành các văn bản thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng theo thẩm quyền: Trên cơ sở các văn bản cấp trên, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 1014/KH-STC ngày 14/4/2020 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020; Kế hoạch số 1362/KH-STC ngày 29/4/2021 về Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021; đồng thời tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 1946/KH-STC ngày 19/7/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kế hoạch số 2788/KH-STC ngày 15/10/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021; Quyết định số 33/QĐ-STC ngày 07/5/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 63/QĐ-STC ngày 26/8/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Tài chính Ninh Thuận; Quyết định số 64/QĐ-STC ngày 26/8/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Nội quy cơ quan của Sở Tài chính Ninh Thuận.

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết và tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết: Công tác ban hành các văn bản triển khai thực hiện Luật phòng chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn đã được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng, tiêu chí đề ra.

- *Lập danh sách các văn bản đã ban hành*

STT	Ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
1	1014/KH-STC	14/4/2020	Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020
2	1362/KH-STC	29/4/2021	Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021

2. Việc bảo đảm các điều kiện thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng

- Nêu các hoạt động đã thực hiện (tập huấn, phổ biến, kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực thi hành pháp luật, kinh phí, cơ sở vật chất cho thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng): Nhằm nâng cao tính trách nhiệm, ý thức, đồng bộ cao trong công tác thực thi pháp luật của Sở; Sở đã quan tâm, chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật về phòng chống tham nhũng nói riêng thông qua ngày sinh hoạt pháp luật vào thứ 2 đầu tháng. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp, kéo dài, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các Chỉ thị của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phòng chống dịch bệnh, thực hiện giãn cách xã hội nên công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nói chung và tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng bằng hình thức trực tiếp và thông qua Trang thông tin điện tử nội bộ của Sở. Công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức nhằm kiện toàn nguồn nhân lực thi hành pháp luật cũng đặc biệt quan tâm, điển hình năm 2020, Sở có cử 01 công chức tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ pháp chế tại Sở Tư pháp; tạo mọi điều kiện cho công chức tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

- Đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật phòng, chống tham nhũng; tính phù hợp về tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí cho thi hành pháp luật phòng, chống tham nhũng: Công tác phổ biến pháp luật nói chung và phòng chống tham nhũng nói riêng và cơ sở vật chất, kinh phí, nguồn nhân lực cho công tác này được thực hiện kịp thời, đảm bảo yêu cầu đề ra. Qua công tác phổ biến pháp luật tại Sở, nhận thức của cán bộ, công chức từng bước được cải thiện, tiến tới phòng, ngừa tham nhũng xảy ra tại Sở Tài chính.

3. Việc tuân thủ pháp luật về phòng, chống tham nhũng

(Lưu ý: Các nội dung ở Mục 3 này thống kê số liệu theo phụ lục ban hành kèm theo)

3.1. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Việc công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:

- Nêu việc thực hiện trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc công khai, minh bạch của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị: Thực hiện Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và các Nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan khác về công khai, minh bạch. Lãnh đạo Sở đã quan tâm chú trọng công tác này trong quản lý, điều hành ngân sách Sở cũng như ngân sách tỉnh, đảm bảo tính kịp thời và đúng quy định. Thanh tra Sở đã cũng lòng ghép công tác kiểm tra công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách vào các cuộc thanh tra theo Kế hoạch được phê duyệt. Kết quả thanh tra tại 9 đơn vị, có 03 đơn vị vi phạm về công khai ngân sách. Qua thanh tra, giúp chấn chỉnh

tình hình tài chính và công khai tại các đơn vị, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý của Sở trên địa bàn tỉnh.

- Nêu việc tổ chức thực hiện công khai, minh bạch: Trên cơ sở Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 v/v Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Sở Tài chính đã tiến hành công khai trên trang thông tin điện tử của Sở và niêm yết tại cơ quan: quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019; Công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kể cả phần điều chỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Công khai tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương Quý I/2020; Công khai tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2020; Công khai tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương Quý III/2020; Công khai dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận; công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019; công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý I/2021; công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Tài chính; Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2021.

- Nêu các trường hợp vi phạm và việc xử lý vi phạm quy định về công khai minh bạch: Các trường hợp vi phạm về công khai minh bạch đã nói ở trên tại 03 đơn vị chủ yếu do chưa nắm rõ quy định nên chưa thực hiện đúng, đủ theo quy định; Thanh tra Sở cũng đã tiến hành nhắc nhở và cho rút kinh nghiệm đối với các trường hợp vi phạm.

- Nêu những thuận lợi và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện: Không có.

b) Việc xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

- Nêu việc thực hiện trách nhiệm xây dựng, ban hành và công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ: Để công tác quản lý thu, chi tài chính tại Sở Tài chính được đảm bảo theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã ban hành và đúng quy định của pháp luật. Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-STC ngày 05/01/2021 Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 01/QĐ-STC ngày 05/01/2021 Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 09/QĐ-STC ngày 9/2/2021 về việc quy định mức chi công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành tại cơ quan Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 18/QĐ-STC ngày 03/3/2021 về việc quy định mức chi công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành tại cơ quan Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận;

Quyết định số 22/QĐ-STC ngày 09/3/2021 về việc bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Sở, Sở Tài chính luôn tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời các chế độ, định mức, tiêu chuẩn và triển khai trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

- Nêu việc thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; việc thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ: Nhìn chung, các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh chấp hành tốt định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành. Tuy nhiên, trong giai đoạn báo cáo, Sở Tài chính đã tiến hành thanh tra theo kế hoạch tại 09 đơn vị, đã kiến nghị thu hồi chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ tại 07 đơn vị là 430.998.787 đồng.

- Nêu các trường hợp vi phạm và việc xử lý vi phạm quy định về xây dựng và thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ: Các trường hợp sai phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ tại 07 đơn vị như đã nói ở trên chủ yếu do không nắm vững, hiểu sai quy định của nhà nước nên gây ra các sai phạm nêu trên. Qua thanh tra, Đoàn thanh tra cũng đã kiến nghị xử lý kiểm điểm rút kinh nghiệm 09 cá nhân và 03 tập thể.

- Nêu những thuận lợi và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện: Không có.

c) Việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn:

- Nêu việc xây dựng, ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Tiếp tục thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức được ban hành tại Quyết định số 33/QĐ-STC ngày 07/5/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 63/QĐ-STC ngày 26/8/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Tài chính Ninh Thuận; Quyết định số 64/QĐ-STC ngày 26/8/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Nội quy cơ quan của Sở Tài chính Ninh Thuận; Thanh tra Sở đồng thời thực hiện theo Quyết định số 1860/QĐ-TTCT ngày 06/9/2007 của Thanh tra Chính phủ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra và Quyết định số 2260/QĐ-STC ngày 04/9/2014 của Bộ Tài chính về việc Ban hành quy chế quản lý, sử dụng và đánh giá cán bộ đoàn thanh tra ngành tài chính.

- Nêu thực trạng thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức đơn vị; thực trạng tặng quà và nhận quà tặng; thực trạng xung đột lợi ích và việc xử lý khi phát hiện có xung đột lợi ích trong cơ quan, tổ chức đơn vị: Nhìn chung, cán bộ, công chức và người lao động tại Sở Tài chính luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, ý thức, trách nhiệm cao trong giải quyết công việc nên trong giai đoạn báo cáo không có trường hợp vi phạm quy tắc ứng xử, tặng và nhận quà trái quy định và không xảy ra xung đột lợi ích phải xử lý.

- Nêu các trường hợp vi phạm và việc xử lý vi phạm quy định về quy tắc ứng xử, về tặng quà và nhận quà tặng, về xung đột lợi ích trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có.

- Nêu những thuận lợi và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện: Không có.

d) Việc chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:

- Nêu việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác, công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác: Trong giai đoạn báo cáo, Sở Tài chính đang tiến hành rà soát, kiện toàn chức danh lãnh đạo phòng đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn và đúng quy định. Vì vậy, trong năm chưa ban hành Kế hoạch chuyển đổi theo quy định. Tuy nhiên, trong năm 2021 Sở Tài chính đã tiến hành điều động ông Đinh Văn Thạch – Phó Chánh thanh tra và ông Đặng Quang Huy – chuyên viên Văn phòng Sở sang phòng Quản lý giá – Công sản và Tài chính đầu tư.

- Nêu thực trạng thực hiện quy định về chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện việc chuyển đổi: Không có.

- Nêu các trường hợp vi phạm và việc xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện việc chuyển đổi: Không có.

- Nêu những thuận lợi và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện: Không có.

3.2. Việc thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Nêu việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập: Trên cơ sở Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 989/KH-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020. Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 638/KH-STC ngày 04/3/2021 về việc triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 và triển khai đến từng cán bộ, công chức để thực hiện.

- Nêu thực trạng việc tổ chức kê khai tài sản, thu nhập; việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập; việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập: Trên cơ sở Kế hoạch số 638/KH-STC ngày 04/3/2021 của Sở Tài chính, từng cán bộ, công chức tiến hành kê khai và bàn giao bản kê khai về Văn phòng Sở để giám sát, quản lý và niêm yết công khai 38/38 đối tượng phải kê khai theo đúng quy định.

- Nêu việc xác minh tài sản, thu nhập: Không có.

- Nêu những thuận lợi và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện: Không có.

3.3. Công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị và phát hiện

tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

- Nêu việc triển khai thực hiện công tác kiểm tra, tự kiểm tra của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không có.

- Nêu số lượng và hình thức kiểm tra, tự kiểm tra; nêu các trường hợp phát hiện và việc xử lý vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được phát hiện qua công tác giám sát, thông qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra, thông qua công tác thanh tra, thông qua hoạt động kiểm toán: Không có.

- Nêu những thuận lợi và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện: Không có.

3.4. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng

- Nêu việc thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng: Không phát sinh.

- Nêu thực trạng xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: : Không có.

- Nêu những thuận lợi và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện: : Không có.

3.5. Việc phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

- Nêu việc phối hợp, hướng dẫn các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ban hành quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng: : Không có.

- Nêu thực trạng các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã ban hành/chưa ban hành quy tắc, cơ chế kiểm soát nội bộ: Không có.

- Nêu thực trạng các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện công khai, minh bạch trong tổ chức, hoạt động của đơn vị; việc kiểm soát xung đột lợi ích; chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

- Nêu thực trạng thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

- Nêu thực trạng phát hiện, xử lý tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

- Nêu những thuận lợi và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện: Không có.

3.6. Việc xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng

- Nêu thực trạng xử lý người có hành vi tham nhũng, xử lý tài sản tham nhũng: Không có.

- Nêu thực trạng xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Không có.

- Nêu những thuận lợi và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện: Không có.

II. NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ CHUNG VIỆC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

- Nêu nhận định, đánh giá chung về việc thi hành các quy định pháp luật phòng, chống tham nhũng của bộ, ngành, địa phương: Không có.

- Nêu những thuận lợi, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân: Không có.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không có.

Trên đây là nội dung tình hình thi hành pháp luật về phòng chống tham nhũng năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021 tại Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTr.PNHT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Trọng Luật

PHỤ LỤC

(Đính kèm Báo cáo số /BC-STC ngày tháng 11 năm 2021 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	Năm 2020	Năm 2021
I	Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng		
a)	Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
1	Các hình thức công khai thường được thực hiện	2	2
2	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện công khai, minh bạch	6	3
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với số đơn vị bị xử lý)	2 (rút kinh nghiệm)	1 (rút kinh nghiệm)
4	Số cuộc họp báo và số lần cung cấp thông tin cho báo chí	–	–
5	Số lần cung cấp thông tin theo yêu cầu	–	–
6	Số lần thực hiện trách nhiệm giải trình	–	–
b)	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
1	Việc công khai các văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ (ghi rõ hình thức công khai tương ứng với văn bản)	Website; niêm yết tại cơ quan	Website; niêm yết tại cơ quan
2	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	6	3
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	4	3
4	Số người vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý)	Rút kinh nghiệm: 05 cá nhân; 02 tập thể	Rút kinh nghiệm: 04 cá nhân; 01 tập thể
c)	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
1	Số người vi phạm quy tắc ứng xử bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý)	–	–
2	Số người vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý)	–	–
3	Số người vi phạm quy định về kiểm soát xung đột lợi ích bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý)	–	–
d)	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
1	Số lượng công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác	–	02
2	Số người chuyển đổi vị trí công tác theo Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	–	–
3	Số người thực tế đã chuyển đổi vị trí công tác	–	02
II	Việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
1	Số lượt người được tuyên truyền về Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.	38	–
2	Việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập:	–	–
	Số lượng công khai tại cuộc họp	–	–
	Số lượng công khai bằng hình thức niêm yết	–	38
3	Số người được xác minh tài sản, thu nhập	–	–

4	Số người bị xử lý kỷ luật về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm (<i>liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý</i>)	–	–
III	Công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị và phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	–	–
	Kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức đơn vị:	–	–
	<i>Số cuộc kiểm tra</i>	–	–
1	<i>Số cuộc tự kiểm tra</i>	–	–
	<i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra</i>	–	–
	<i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra</i>	–	–
	Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát:	–	–
2	<i>Số cuộc giám sát</i>	–	–
	<i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động giám sát</i>	–	–
	Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra:	–	–
3	<i>Số cuộc thanh tra</i>	–	–
	<i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra</i>	–	–
	Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động kiểm toán:	–	–
4	<i>Số cuộc kiểm toán</i>	–	–
	<i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động kiểm toán</i>	–	–
IV	Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị	–	–
1	Số người vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị (<i>liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý</i>)	–	–
V	Việc phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước	–	–
1	Số lượt người trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được tuyên truyền, hướng dẫn về pháp luật phòng, chống tham nhũng	–	–
2	Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh	–	–
3	Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã xây dựng quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ	–	–
4	Số trường hợp có hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được phát hiện, xử lý (<i>ghi rõ hình thức xử lý tương ứng</i>)	–	–
VI	Việc xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng	–	–
	Số vụ việc tham nhũng bị phát hiện	–	–
1	Số người có hành vi tham nhũng bị xử lý (<i>ghi rõ hình thức xử lý tương ứng</i>)	–	–
2	Số tài sản bị thất thoát do hành vi tham nhũng và số tài sản thu hồi được	–	–